

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán	2 – 5
3. Kết quả hoạt động kinh doanh	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,624,292,724,168	1,361,583,483,382
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	95,933,480,197	110,287,269,371
1. Tiền	111		44,533,480,197	40,287,269,371
2. Các khoản tương đương tiền	112		51,400,000,000	70,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	50,000,000,000	321,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50,000,000,000	321,500,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,016,917,567,000	605,353,515,934
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	665,532,494,528	353,548,106,732
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	354,320,975,165	234,489,400,527
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2,418,562,379	21,081,294,812
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(5,354,465,072)	(3,765,286,137)
IV. Hàng tồn kho	140		456,652,037,102	322,953,507,299
1. Hàng tồn kho	141	V.6	456,652,037,102	322,953,507,299
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,789,639,869	1,489,190,778
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1,058,953,562	1,142,866,270
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,091,656,307	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.16	-	336,324,508
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		639,030,000	10,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223,177,408,979	236,448,206,033
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		207,435,501,214	221,545,329,654
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	206,078,635,517	209,817,079,969
<i>Nguyên giá</i>	222		359,087,894,266	346,242,935,220
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(153,009,258,749)	(136,425,855,251)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1,356,865,697	1,471,998,647
<i>Nguyên giá</i>	228		2,227,478,775	2,227,478,775
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(870,613,078)	(755,480,128)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	-	10,256,251,038
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		15,741,907,765	14,902,876,379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	9,339,047,148	10,995,260,556
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	6,402,860,617	3,907,615,823
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,847,470,133,147	1,598,031,689,415

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		934,979,543,601	686,477,187,376
I. Nợ ngắn hạn	310		933,209,634,084	684,675,545,359
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	756,152,953,187	589,584,413,741
2. Phải trả người bán	312	V.14	56,454,514,124	32,328,834,503
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	1,455,371,393	2,720,071,939
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6,072,255,238	2,027,709,876
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	38,734,239,764	49,389,617,477
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	63,722,859,407	710,883,042
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	10,617,440,971	7,914,014,781
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,769,909,517	1,801,642,017
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	1,769,909,517	1,801,642,017
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		912,490,589,546	911,554,502,039
I. Vốn chủ sở hữu	410		912,490,589,546	911,554,502,039
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	418,127,810,000	418,127,810,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	203,825,180,000	203,825,180,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	52,115,592,139	39,486,171,506
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	56,693,173,703	44,063,753,070
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	181,728,833,704	206,051,587,463
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,847,470,133,147	1,598,031,689,415

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014

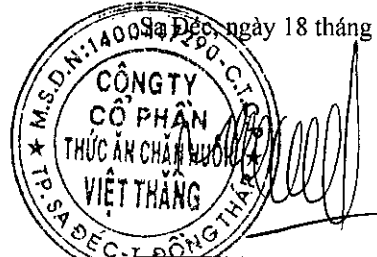
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		55,160.65	10,885.53
Euro (EUR)		112.23	112.17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

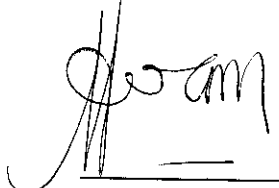
CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 2/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,160,918,443,257	1,195,491,386,430	1,975,970,952,562	2,280,415,198,658
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	25,842,511,572	21,776,604,805	41,780,910,518	50,518,200,228
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,135,075,931,685	1,173,714,781,625	1,934,190,042,044	2,229,896,998,430
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,081,382,356,326	1,118,244,092,789	1,833,858,541,216	2,118,157,699,160
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53,693,575,359	55,470,688,836	100,331,500,828	111,739,299,270
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,685,706,166	317,586,050	10,823,648,015	982,792,355
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10,346,052,427	11,173,406,778	18,190,732,547	19,178,703,076
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,112,097,279	10,195,535,295	17,881,873,393	18,054,638,804
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4,786,543,901	4,880,795,624	8,574,085,872	9,072,799,077
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4,566,850,713	6,578,087,742	10,316,972,954	10,966,570,651
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38,679,834,484	33,155,984,742	74,073,357,470	73,504,018,821
11. Thu nhập khác	31	VI.7	520,766,251	616,981,010	862,884,974	1,525,945,326
12. Chi phí khác	32	VI.8	3,922,350	514,064	3,922,350	514,064
13. Lợi nhuận khác	40		516,843,901	616,466,946	858,962,624	1,525,431,262
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39,196,678,385	33,772,451,688	74,932,320,094	75,029,450,083
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	8,544,679,547	3,274,863,458	9,983,479,691	4,815,683,955
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2,605,507,354)	(620,088,136)	(2,495,244,794)	1,145,986,869
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33,257,506,192	31,117,676,366	67,444,085,197	69,067,779,259
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.21	795	1,138	1,613	2,142


 Nguyễn Ngọc Thắm
 Người lập biểu


 Huỳnh Văn Hoàng
 Kế toán trưởng

Sa Đéc, ngày 18 tháng 07 năm 2014

 Nguyễn Quang Hiến
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		74,932,320,094	75,029,450,083
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9	16,698,536,448	16,668,878,538
- Các khoản dự phòng	03	V.3	1,589,178,935	1,817,793,830
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(5,104,908)	(17,644,581)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(10,711,255,197)	(531,788,888)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17,881,873,393	18,054,638,804
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		100,385,548,765	111,021,327,786
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(415,508,982,355)	(432,350,407,522)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(133,698,529,803)	(191,701,233,408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9,666,801,183	(72,896,622,532)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,740,126,116	(2,649,824,420)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(17,421,335,348)	(16,441,227,219)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(3,599,599,830)	(4,447,261,417)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,626,930,000)	(3,358,430,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(460,062,901,272)	(612,823,678,732)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,9	(2,588,708,008)	(5,309,688,225)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		271,500,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	10,224,175,752	1,160,494,444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		279,135,467,744	(4,149,193,781)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	206,681,460,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,116,238,948,303	1,449,168,877,487
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(949,670,408,857)	(1,224,695,759,514)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(30,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>166,568,539,446</i>	<i>431,124,577,973</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14,358,894,082)	(185,848,294,540)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	110,287,269,371	203,211,766,541
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	5,104,908	17,644,581
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	95,933,480,197	17,381,116,582

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Sa Đéc, ngày 18 tháng 07 năm 2014

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, gia súc.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty có 600 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 606 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	2 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần

Nguyên giá của bản quyền là toàn bộ chi phí bỏ ra để có bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần. Bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Chi phí phải trả bao gồm cả khoản trích trước chiết khấu, hoa hồng bán hàng sẽ được giảm trừ trên hóa đơn cho số lượng hàng hóa đã tiêu thụ hoặc chỉ bằng tiền mặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

13. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN 10, bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty áp dụng thông tư 179 để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại thời điểm này của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD
29.007 VND/EUR
31/03/2014 : 21.300 VND/USD
28.882 VND/EUR

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

20. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày các báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	172,889,009	203,846,298
Tiền gửi ngân hàng	44,360,591,188	40,083,423,073
Các khoản tương đương tiền	<u>51,400,000,000</u>	<u>70,000,000,000</u>
Cộng	<u>95,933,480,197</u>	<u>110,287,269,371</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại ngân hàng và hưởng lãi suất 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các bên liên quan	247,623,458,816	114,192,107,091
Bên thứ ba	<u>417,909,035,712</u>	<u>239,355,999,641</u>
Cộng	<u>665,532,494,528</u>	<u>353,548,106,732</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5,354,465,072)	(3,765,286,137)
Giá trị thuần	<u>660,178,029,456</u>	<u>349,782,820,595</u>

Như được trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các bên liên quan	537,699,540	-
Bên thứ ba	<u>353,783,275,625</u>	<u>234,489,400,527</u>
Cộng	<u>354,320,975,165</u>	<u>234,489,400,527</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cho mượn nguyên liệu	-	19,335,024,193
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2,178,573,889	1,691,494,444
Phải thu khác	<u>239,988,490</u>	<u>54,776,175</u>
Cộng	<u>2,418,562,379</u>	<u>21,081,294,812</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi trên đường	9,646,188,090	17,490,319,962
Nguyên liệu, vật liệu	412,684,762,556	265,934,109,078
Thành phẩm	<u>34,321,086,456</u>	<u>39,529,078,259</u>
Cộng	<u>456,652,037,102</u>	<u>322,953,507,299</u>

Như được trình bày trong Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí bảo hiểm	343,041,014	295,279,589
Phí sử dụng hạ tầng, tiền thuê đất	393,848,780	280,201,702
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>322,063,768</u>	<u>567,384,979</u>
Cộng	<u>1,058,953,562</u>	<u>1,142,866,270</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	79,059,314,357	238,527,830,516	25,499,936,891	3,155,853,456	346,242,935,220
Mua sắm mới	-	1,551,898,791	480,000,000	-	2,031,898,791
Xây dựng cơ bản hoàn thành	10.813.060.255	-	-	-	10,813,060,255
Số cuối kỳ	89,872,374,612	240,079,729,307	25,979,936,891	3,155,853,456	359,087,894,266
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1,551,994,479	7,780,902,448	919,886,872	598,023,520	10,850,807,319
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu kỳ	26,883,162,415	95,148,300,362	12,308,838,882	2,085,553,592	136,425,855,251
Khấu hao trong kỳ	2,829,642,000	12,233,282,725	1,364,574,065	155,904,708	16,583,403,498
Số cuối kỳ	29,712,804,415	107,381,583,087	13,673,412,947	2,241,458,300	153,009,258,749
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	52,176,151,942	143,379,530,154	13,191,098,009	1,070,299,864	209,817,079,969
Số cuối kỳ	60,159,570,197	132,698,146,220	12,306,523,944	914,395,156	206,078,635,517

Như đã trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp máy móc và thiết bị để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm quản lý tổng thể	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	954,750,000	926,532,000	346,196,775	2,227,478,775
Số cuối kỳ	954,750,000	926,532,000	346,196,775	2,227,478,775
Giá trị khấu trừ lũy kế				
Số đầu kỳ	-	489,756,736	265,723,392	755,480,128
Khấu trừ trong kỳ	-	95,014,602	20,118,348	115,132,950
Số cuối kỳ	-	584,771,338	285,841,740	870,613,078
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	954,750,000	436,775,264	80,473,383	1,471,998,647
Số cuối kỳ	954,750,000	341,760,662	60,355,035	1,356,865,697

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công trình nhà kho nguyên liệu Lai Vung	-	10,256,251,038
Cộng	-	10,256,251,038

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Quyền sử dụng đất (*)	6,814,289,397	6,899,468,013
Công cụ, dụng cụ	2,524,757,751	4,095,792,543
Cộng	9,339,047,148	10,995,260,556

(*) Khoản này thể hiện quyền sử dụng các lô đất thuê cho việc xây dựng văn phòng và nhà máy của Công ty, tọa lạc tại Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 45 năm.

Như được trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số đầu kỳ	3,907,615,823	4,112,494,608
Số phát sinh	2,495,244,794	(1,145,986,869)
Số cuối kỳ	6,402,860,617	2,966,507,739

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	756,152,953,187	589,584,413,741
Cộng	756,152,953,187	589,584,413,741

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ VNĐ</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An	350,000,000,000	Từ 4 - 6 tháng kể từ ngày giải ngân	6,60- 7,00	Nhà máy sản xuất thức ăn và quyền sử dụng đất tại các Lô II-1, II-2, II-3, Khu Công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	168,088,673,592	4 tháng kể từ ngày giải ngân	4,63- 5,81	Khoản phải thu và hàng luân chuyển trong kho tại Chi nhánh Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam	69,535,226,266	4 tháng kể từ ngày giải ngân	6,20	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với tổng giá trị tương đương với tổng dư nợ gốc và lãi
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	168,529,053,329	4 tháng kể từ ngày giải ngân	5,20 - 5,84	Quyền ưu tiên thứ nhất các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị còn lại tối thiểu tương đương với số tiền gốc chưa được thanh toán
TỔNG CỘNG	756,152,953,187			

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các bên liên quan	3,618,443,553	624,993,652
Bên thứ ba	52,836,070,571	31,703,840,851
Cộng	<u>56,454,514,124</u>	<u>32,328,834,503</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bên thứ ba	1,455,371,393	2,720,071,939
Cộng	<u>1,455,371,393</u>	<u>2,720,071,939</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	1,880,525,762	11,359,974,386	13,240,500,148	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4,950,832,932	4,950,832,932	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	812,006,483	812,006,483	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(336,324,508)	9,983,479,691	3,599,599,830	6,047,555,353
Thuế thu nhập cá nhân	144,952,114	711,324,282	835,176,511	21,099,885
Các loại thuế khác	2,232,000	23,608,000	22,240,000	3,600,000
Cộng	<u>1,691,385,368</u>	<u>27,841,225,774</u>	<u>23,460,355,904</u>	<u>6,072,255,238</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	5%
Thanh lý tài sản, bao bì phế liệu...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 08/UB-UĐĐT ngày 21 tháng 3 năm 2003, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 12/UB-UĐĐT ngày 16 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT/UBND ngày 11 tháng 7 năm 2005.

Theo các giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74,932,320,094	75,029,450,083
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Thu nhập tính thuế	<u>66,153,851,618</u>	<u>60,648,580,312</u>
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	65,290,966,644	59,122,634,986
- Thu nhập khác	862,884,974	1,525,945,326
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	14,553,847,356	15,162,145,078
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(4,570,367,665)	(5,912,263,498)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(4,434,197,625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u><u>9,983,479,691</u></u>	<u><u>4,815,683,955</u></u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, hỗ trợ	425,961,556	557,673,814
Chiết khấu thương mại	35,135,401,304	45,976,942,329
Chi phí lãi vay phải trả	2,171,759,704	1,711,221,659
Chi phí phải trả khác	1,001,117,200	1,143,779,675
Cộng	<u><u>38,734,239,764</u></u>	<u><u>49,389,617,477</u></u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội	560,149,200	493,171,200
Cổ tức phải trả	62,738,333,000	43,941,300
Phải trả khác	424,377,207	173,770,542
Cộng	<u><u>63,722,859,407</u></u>	<u><u>710,883,042</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	4,450,404,678	3,629,391,583
Quỹ phúc lợi	6,167,036,293	4,284,623,198
Cộng	<u>10,617,440,971</u>	<u>7,914,014,781</u>

20. Nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trợ cấp thôi việc	1,769,909,517	1,801,642,017
Cộng	<u>1,769,909,517</u>	<u>1,801,642,017</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng đầu tư tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013						
Số đầu kỳ	210.255.090.000	100.870.000.000	24.874.229.495	29.451.811.059	250.849.924.757	616.301.055.311
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	103.341.280.000	103.087.180.000	-	-	-	206.428.460.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	14.611.942.011	14.611.942.011	69.067.779.259	69.067.779.259
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(29.223.884.022)	-
Thù lao và tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(4.383.582.608)	(4.383.582.608)
	-	-	-	-	(1.594.000.000)	(1.594.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	313.596.370.000	203.957.180.000	39.486.171.506	44.063.753.070	284.716.237.386	885.819.711.962
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014						
Số đầu kỳ	418.127.810.000	203.825.180.000	39.486.171.506	44.063.753.070	206.051.587.463	911.554.502.039
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	67.444.085.197	67.444.085.197
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.629.420.633	12.629.420.633	(25.258.841.266)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(3.788.826.190)	(3.788.826.190)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(62.719.171.500)	(62.719.171.500)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	418.127.810.000	203.825.180.000	52.115.592.139	56.693.173.703	181.728.833.704	912.490.589.546

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Vốn cổ phần sở hữu VNĐ	Tỷ lệ %	Vốn cổ phần sở hữu VNĐ	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Hùng Vương	277.600.000.000	66,39	232.600.000.000	55,63
Các cổ đông khác	140.527.810.000	33,61	185.527.810.000	44,37
Tổng cộng	418.127.810.000	100,00	418.127.810.000	100,00

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	418.127.810.000	210.255.090.000
Phát hành cổ phiếu mới	-	103.341.280.000
Số cuối kỳ	418.127.810.000	313.596.370.000
Cổ tức công bố	(62.719.171.500)	-
Cổ tức bằng tiền (15% vốn chủ sở hữu)	(62.719.171.500)	-
Cổ tức chi trả	-	(30.000.000)

21.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 06 năm 2014		Ngày 30 tháng 06 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Cổ phiếu được phép phát hành	41.812.781	418.127.810.000	31.359.637	313.596.370.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	41.812.781	418.127.810.000	31.359.637	313.596.370.000
Cổ phiếu phổ thông	41.812.781	418.127.810.000	31.359.637	313.596.370.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.812.781	418.127.810.000	31.359.637	313.596.370.000
Cổ phiếu phổ thông	41.812.781	418.127.810.000	31.359.637	313.596.370.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Dưới đây phản ánh các dữ liệu lợi nhuận và cổ phiếu được sử dụng trong việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	67,444,085,197	69.067.779.259
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	67,444,085,197	69.067.779.259
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	41.812.781	32.244.192
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,613	2,142

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Tổng doanh thu bán thành phẩm	1,975,970,952,562	2,280,415,198,658
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(41,780,910,518)	(50,518,200,228)
- Chiết khấu thương mại	(41,780,910,518)	(41,999,843,895)
- Giảm giá hàng bán	-	(8,518,356,333)
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1,934,190,042,044	2,229,896,998,430

2. Giá vốn hàng bán

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	1,833,858,541,216	2,118,157,699,160
Cộng	1,833,858,541,216	2,118,157,699,160

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1,743,532,968,921	2,007,543,454,562
Chi nhân công trực tiếp	12,717,150,832	12,170,540,555
Chi phí sản xuất chung	72,400,429,660	89,470,783,129
Tổng chi phí sản xuất	1,828,650,549,413	2,109,184,778,246
Tổng giá thành sản xuất	1,828,650,549,413	2,109,184,778,246
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	5,207,991,803	8,972,920,914
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1,833,858,541,216	2,118,157,699,160

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10,711,255,197	531,788,888
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	99,365,726	433,358,886
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7,922,184	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5,104,908	17,644,581
Cộng	10,823,648,015	982,792,355

4. Chi phí tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí lãi vay	17,881,873,393	18,054,638,804
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	308,859,154	1,124,064,272
Cộng	18,190,732,547	19,178,703,076

5. Chi phí bán hàng

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí cho nhân viên	3,766,514,770	2,877,790,379
Chi phí bao bì	96,898,612	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18,965,000	47,067,272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201,100,916	305,012,158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,585,456,793	3,939,292,722

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí hoa hồng, môi giới bán hàng	594,848,216	571,544,517
Chi phí khác	1,310,301,565	1,332,092,029
Cộng	8,574,085,872	9,072,799,077
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí cho nhân viên	4,661,746,519	3,955,575,950
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	85,077,671	97,205,767
Chi phí đồ dùng văn phòng	94,755,000	135,411,651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	681,440,458	774,076,311
Thuế, phí và lệ phí	9,312,000	395,575,136
Chi phí dự phòng	1,589,178,935	1,817,793,830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,721,070,764	2,111,455,984
Chi phí khác	1,474,391,607	1,679,476,022
Cộng	10,316,972,954	10,966,570,651
7. Thu nhập khác		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Thu bán phế liệu	785,780,002	1,519,413,773
Thu nhập khác	77,104,972	6,531,553
Cộng	862,884,974	1,525,945,326
8. Chi phí khác		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí khác	3.922.350	514.064
Cộng	3.922.350	514.064

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,786,828,434,437	2,060,835,112,790
Chi phí nhân công	30,054,968,935	26,671,711,017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16,698,536,448	16,668,878,538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,627,344,322	18,677,369,184
Chi phí khác	5,332,324,097	6,371,076,445
Cộng	<u>1,847,541,608,239</u>	<u>2,129,224,147,974</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Chi tiết tiền lương Ban Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Lương và các chi phí liên quan	2.466.100.958	3.070.885.382

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghịệp vụ</i>	<i>Số tiền</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn cá	5,596,799,250
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	180,286,224,610
DNTN Việt Tiến	Bên liên quan	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	366,472,161 59,885,896,489
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	31,677,326,546 83,922,517,500
Công ty Cổ phần Chế biến	Bên liên quan	Mua nguyên	4,251,580,231

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thủy sản An Lạc		vật liệu	
Công ty cổ phần Hóa Chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	1,650,974,700
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Mượn nguyên liệu	12.491.325.420
		Chi phí xếp dỡ nguyên liệu	68.542.394
		Thuê kho	394,590,000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i> <i>Phải thu (Phải trả)</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn cá	5,876,639,213
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	229,663,252,035
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	11,909,959,614
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi hộ	173,607,954
TỔNG CỘNG			<u>247,623,458,816</u>

Trả trước người bán

Công ty cổ phần Hóa Chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	537,699,540
-----------------------------------	---------------	---------------------	--------------------

Phải trả người bán

Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	2,850,723,420
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	258,274,500

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Thuê kho và chi phí xếp dỡ nguyên liệu	509,445,633
TỔNG CỘNG			<u>3,618,443,553</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số II.2. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của các loại ngoại tệ của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

Dưới 1 năm

30 tháng 06 năm 2014

Các khoản vay	756,152,953,187
Phải trả người bán	56,454,514,124
Chi phí phải trả	38,985,390,679
	851,592,857,990

31 tháng 12 năm 2013

Các khoản vay	589,584,413,741
Phải trả người bán	32,328,834,503
Chi phí phải trả	49,389,617,477
	671,302,865,721

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện truyền dẫn và thiết bị văn phòng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số V.13).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
- Tiền gửi ngắn hạn	50,000,000,000	-	321,500,000,000	-	50,000,000,000	321,500,000,000
Các khoản cho vay và phải thu						
- Phải thu khách hàng	665,532,494,528	(5,354,465,072)	353,548,106,732	(3,765,286,137)	660,178,029,456	349,782,820,595
- Phải thu khác	2,418,562,379	-	1,746,270,625	-	2,418,562,379	1,746,270,625
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán						
- Tiền và tương đương tiền	95,933,480,197	-	110,287,269,371	-	95,933,480,197	110,287,269,371
TỔNG CỘNG	813,884,537,104	(5,354,465,072)	787,081,646,728	(3,765,286,137)	808,530,072,032	783,316,360,591
Nợ phải trả tài chính						
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ						
- Vay và nợ	756,152,953,187	-	589,584,413,741	-	756,152,953,187	589,584,413,741
- Phải trả người bán	56,454,514,124	-	32,328,834,503	-	56,454,514,124	32,328,834,503
- Chi phí phải trả	38,985,390,679	-	49,389,617,477	-	38,985,390,679	49,389,617,477
TỔNG CỘNG	851,592,857,990	-	671,302,865,721	-	851,592,857,990	671,302,865,721

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

4. Thuê hoạt động

Cam kết hoạt động

Công ty thuê đất đối với các diện tích đang sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Từ 1 năm trở xuống	959,756,636	762.325.038
Trên 1 năm đến 5 năm	4,212,628,800	4.170.106.960
Trên 5 năm	33,384,075,750	33.793.320.363
Cộng	<u>38,556,461,186</u>	<u>38.725.752.361</u>

5. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám Đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

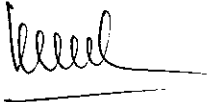
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

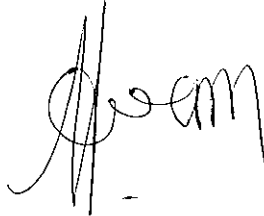
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu



Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Sa Đéc, ngày 18 tháng 07 năm 2014

))